**LỊCH BÁO GIẢNG**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**HỌC KỲ II**

**TUẦN 30: Từ 8/4/2024 đến 12/4/2024**

**Cách ngôn: *Một giọt máu đào hơn ao nước lã .***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài giảng** |
| **Hai**  **8/4** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Chào cờ**  **Tập đọc**  **Toán**  **Chính tả** | **Chào cờ**  **Luyện đọc: Một vụ đắm tàu – Con gái**  **Ôn tập về đo diện tích**  **Cô gái của tương lai** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Lịch sử**  **Đạo đức**  **KChuyện** | **Xây dựng nhà máy thuỷ điện Hoà Bình**  **Bảo vệ cái đúng, cái tốt ( tiết 2 )**  **Kể chuyện đã nghe, đã đọc** |
| **Ba**  **9/4** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Toán**  **LT&C**  **HĐTT**  **Khoa học** | **Ôn tập về đo thể tích**  **MRVT: Nam và nữ**  **ATGT: Ứng sử khi gặp sự cố giao thông ( tiết 2 )**  **Ôn tập: Thực vật và động vật** |
| **Chiều** | **/** | **/** | **/** |
| **Tư**  **10/4** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Tập đọc**  **Toán**  **TLV**  **Địa lí** | **Tà áo dài Việt Nam**  **Ôn tập về đo d/tích và đo thể tích ( tt )**  **Ôn tập về tả con vật**  **Các đại dương trên thế giới** |
| **Chiều** | **/** | **/** | **/** |
| **Năm**  **11/4** | **Sáng** | **/** | **/** | **/** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Toán**  **LT&C**  **Kĩ thuật** | **Ôn tập về đo thời gian**  **Ôn tập về dấu câu ( Dấu phẩy )**  **Lắp Rô-bốt ( tiết 1 )** |
| **Sáu**  **12/4** | **Sáng** | **2**  **4** | **Toán**  **TLVăn** | **Phép cộng**  **Tả con vật ( Kiểm tra viết )** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Khoa học HĐTT** | **Môi trường**  **Đọc sách** |

**Thứ 2 ngày 8/ 4/ 2024**

**TUẦN 30:**

**Tập đọc : Tiết 59 LUYỆN ĐỌC: MỘT VỤ ĐẮM TÀU - CON GÁI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nắm được ý nghĩa của 2 bài tập đọc

+ Bài **Một vụ đắm tàu** : Tình bạn đẹp của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta ;đức hy sinh cao thượng của Ma-ri-ô.

+ Bài **Con gái**: Phê phán quan niệm “trọng nam khinh nữ” ; khen ngợi cô bé Mơ học giỏi, chăm làm, dũng cảm cứu bạn .

**-**  Đọc lưu loát và diễn cảm bài văn với giọng đọc phù hợp.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học, cảm thụ được cái hay, cái đẹp của bài văn

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK

- HS: Đọc tr­ước bài, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật " với nội dung là đọc một đoạn trong bài ***"Con gái"*** và trả lời câu hỏi về nội dung bài.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (28 phút)**  **a/ Bài Một vụ đắm tàu:**  - Chia đoạn: 5 đoạn  **-** Nêu cách đọc toàn bài  **-** Luyện đọc diễn cảm.  + HD đọc diễn cảm: Đoạn 5: Lời của Ma-ri-ô giục giã, thôi thúc, lời Giu-li-ét-ta vĩnh biệt bạn nức nở, nghẹn ngào  + Tổ chức thi đọc diễn cảm  - Hãy nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật chính trong truyện.  - Thay một kết thúc vui cho câu chuyện  - Nêu ý nghĩa    - GV nhận xét  **b/ Bài Con gái:**  - Chia đoạn: 5 đoạn  **-** Nêu cách đọc toàn bài  - Luyện đọc diễn cảm  + HD đọc diễn cảm đoạn: Đoạn 5: đọc với vui và tự hào lời khen của dì Hạnh  + Tổ chức thi đọc diễn cảm.  - Đọc câu chuyện này, em có suy nghĩ gì ?  - Đặt mình vào vai Mơ nêu suy nghĩ về quan niệm một số người coi trọng con trai hơn con gái.  \*Nêu ý nghĩa.  - GV nhận xét  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Liên hệ, giáo dục.  - Kể lại câu chuyện *Một vụ đắm tàu* cho mọi người cùng nghe.  - GV nhận xét tiết học | - HS chơi trò chơi  - Đọc nối tiếp  - HS nêu  - HS luyện đọc đoạn  - Luyện đọc diễn cảm đoạn 5 theo cách phân vai ( người dẫn chuyện, người trên xuồng cứu hộ, Ma-ri-ô, Giu-li-ét-ta )  - Tham gia thi đọc diễn cảm  - Ma-ri ô là một chàng trai kín đáo….  - Giu-li-ét-ta là một bạn gái tốt bụng …  - HS nêu  - Tình bạn đẹp của Ma-ri-ô và Giu-li-ét-ta ; đức hy sinh cao thượng của Ma-ri-ô.  - Đọc nối tiếp  - HS nêu  - HS luyện đọc đoạn.  - Luyện đọc diễn cảm đoạn 5.  - Tham gia thi đọc diễn cảm  - Mơ là con gái nhưng rất giỏi giang, vừa chăm học chăm làm, thương yêu hiếu thảo với bố mẹ…thì thật bất công.  - HS trả lời  - HS nêu: Phê phán quan niệm “trọng nam khinh nữ” ; khen ngợi cô bé Mơ học giỏi, chăm làm, dũng cảm cứu bạn.  - HS lắng nghe  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Toán ( tiết 146 ):

**ÔN TẬP VỀ ĐO DIỆN TÍCH**

I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1/ Kiến thức kĩ năng :

- Biết:Quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích, chuyển đổi các số đo diện tích (với các đơn vị đo thông dụng).

- Viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 ( cột 1 ), bài 3 ( cột 1 ).* HS năng khiếu làm phần còn lại *.*

*- Rèn kĩ năng đổi đơn vị đo diện tích.*

**2/ Phẩm chất năng lực:**

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.( Bài 1,2,3 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt dộng của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(5phút)**  *- Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên": Kể tên các đơn vị đo thời gian và mối quan hệ giữa chúng.*  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành: ( 32 phút )**  *Bài 1/154:( 15 phút )*  *-* Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm  - Nhận xét, chốt ý.  - Cho HS đọc lại bảng đơn vị đo diện tích hoàn chỉnh.  b) Hỏi: + Đơn vị lớn gấp bao nhiêu lần đơn vị bé hơn tiếp liền?  + Đơn vị bé bằng một phần mấy đơn vị lớn hơn tiếp liền?  *Bài 2( cột 1 )/154:( 10 phút )*  - Gọi HS đọc y/c  - GV cho HS làm bài cá nhân  - Nhận xét.  *Bài 3/154:( 7 phút )*  - Gọi HS đọc y/c  - GV cho HS làm bài cá nhân  - Nhận xét  **3. Vận dụng: ( 3 phút )**  \* HS làm bài tập sau:  3,5 m2 = ........dm2  6,8 km2 = ..........dam2  47800 dm2 = ............dam2  3/4 dam2 = ...............m2  - Cho HS đọc lại bảng đơn vị đo diện tích hoàn chỉnh.  - Nhận xét giữa hai đơn vị đo diện tích liền kề nhau.  - Về nhà tìm hiểu thêm về các đơn vị đo diện tích khác.  - Nhận xét tiết học - Dặn dò. | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Nhóm 4 )**  a) 1 HS đọc y/c  - Các nhóm thảo luận, làm bài. Trình bày. Cả lớp nhận xét, bổ sung.  - HS đọc lại.  + Đơn vị lớn gấp 100 lần đơn vị bé hơn tiếp liền.  + Đơn vị bé bằng một phần trăm (0,01) đơn vị lớn hơn tiếp liền.  **\* ( Cá nhân )**  *a)1m2 = 100dm2  = 10000cm2*  *= 1000000mm2.*  *1ha = 10000m2.*  *1km2 = 100ha = 1000000m2.*  *b)1m2 =0,01dam2*  *1m2 = 0,0001hm2 = 0,0001ha.*  *1m2 = 0,000001km2*  ***\* Cột 2: Dành cho HS năng khiếu***  **\* ( Cá nhân )**  *a)65000m2 =6,5ha;*  *b)6km2 =600ha****;***  ***\* Cột 2;3: Dành cho HS năng khiếu***  - HS vận dụng kiến thức làm bài.  - HS đọc bảng đơn vị đo.  - HS nêu.  - HS nghe và thực hiện. |

**IV .ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 30:**

**Chính tả : Tiết 30 CÔ GÁI CỦA TƯƠNG LAI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Nghe - viết đúng bài chính tả, viết đúng những từ ngữ dễ viết sai (VD: in- tơ-nét, tên riêng nước ngoài, tên tổ chức)

**-** Biết viết hoa tên các huân chương, danh hiệu, giải thưởng, tổ chức (BT2, 3).

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực thẩm mĩ ( HĐ1; HĐ2; Bài tập 2, BT 3 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Bảng phụ viết ghi nhớ cách viết hoa…

+ Ảnh minh hoạ 3 loại huân ch­ương trong SGK

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho 2 nhóm HS lên bảng thi viết tên một số danh hiệu, huân chương, giải thưởng học ở tiết tr­ước)  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 25 phút )**  ***Hoạt động 1: HD viết chính tả***  - GV đọc bài chính tả  - Bài cô gái của tương lai nói gì?  - HD viết từ ngữ khó: yêu cầu HS nêu các cụm từ ngữ dễ viết sai .  - GV hư­­­­­­­­ớng dẫn cách viết các từ ngữ khó viết  - GV hướng dẫn cách trình bày bài  **Hoạt động 2: HĐ viết bài chính tả**  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV nhắc nhở HS t­­­­­­­­ư thế ngồi viết, cách cầm bút, để vở  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3.  ***Hoạt động 3:******Chấm bài, nhận xét***  - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS.  **3. Luyện tập, thực hành (8 ph)**  Bài tập 2 : HĐ nhóm  - Nêu cụm từ in nghiêng trong đoạn văn  - Cho HS làm bài  - Nêu cách viết hoa tên các huân chương, danh hiệu, giải thưởng  Bài tập 3: ( HĐ cá nhân )  - Giới thiệu ảnh minh hoạ các huân chương  - Cho HS làm bài vào vở  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Nhắc lại cách viết hoa tên các huân chương, danh hiệu, giải thưởng  **-** Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai  - Về nhà chia sẻ với mọi người cách viết các từ chỉ huân chương, danh hiệu, giải thưởng.  - GV nhận xét giờ học | - 3 HS lên bảng thi viết  - Lớp theo dõi SGK  - Giới thiệu Lan Anh là 1 bạn gái giỏi giang, thông minh, được xem là 1 trong những mẫu người của tương lai...  - HS nêu: in-tơ-nét, Ốt-xtrây-li-a, Nghị viện Thanh niên , gặp gỡ , trôi chảy , ...  - 1 HS lên bảng viết, lớp viết bảng con  - HS lắng nghe  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả  - Chấm lỗi theo cặp .  - HS nộp vở  - HS nghe  - Đọc đề , nêu yêu cầu  - HS nêu.  - Anh hùng Lao động/ Anh hùng Lực lượng vũ trang/ Huân chương Sao vàng/ Huân chương Độc lập hạng Ba/ Huân chương Lao động hạng Nhất/ Huân chương Độc lập hạng Nhất.  - HS nêu cách viết hoa các huân chương, danh hiệu, giải thưởng  - Đọc đề , nêu yêu cầu  - HS quan sát  a/ Huân chương Sao vàng  b/ Huân chương Quân công  c/ Huân chương Lao động  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**XÂY DỰNG NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN HOÀ BÌNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình là kết quả lao động gian khổ, hi sinh của cán bộ, công nhân Việt Nam và Liên Xô.

- Biết Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình có vai trò quan trọng đối với công cuộc xây dựng đất nước: cung cấp điện, ngăn lũ,…

- Nêu được tinh thần lao động khẩn trương, dũng cảm, trên công trường.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục tinh thần hữu nghị, hợp tác giữa nước ta và bạn bè quốc tế.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HĐ 1,2,3).

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử (HĐ 2), năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn (HĐ 3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ, ảnh tư liệu, Bản đồ hành chính Việt Nam.

- HS : SGK, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| -Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" nêu : Quốc hội khoá VI có những quyết định trọng đại gì ?(Mỗi bạn nêu 1 ý)  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi vở | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá : (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Yêu cầu cần thiết xây dựng nhà máy thuỷ điện Hoà Bình  - Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam sau khi thống nhất đất nước là gì?  - Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình được xây dựng vào năm nào? Trong thời gian bao lâu?  - Ai là người cộng tác với chúng ta xây dựng nhà máy này?  - Chỉ vị trí nhà máy trên bản đồ.  **Hoạt động 2:** Tinh thần lao động khẩn trương, dũng cảm, trên công trường  - Cho biết trên công trường xây dựng nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình công nhân Việt Nam và các chuyên gia Liên Xô đã làm việc như thế nào?  **Hoạt động 3:** Đóng góp của nhà máy thuỷ điện Hoà Bình  - Việc làm hồ, đắp đập, ngăn nước sông Đà để xây dựng nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình có tác động như thế nào vào chống lũ lụt?  - Điện đã góp phần vào sản xuất và đời sống của nhân dân như thế nào?    -GV kết luận.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nêu ý nghĩa của việc xây dựng thành công nhà máy thủy điện Hòa Bình ?  - Nhận xét tiết học | - Học sinh thảo luận, đọc SGK, chia sẻ trước lớp  - Cách mạng Việt Nam sau khi thống nhất đất nước có nhiệm vụ xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.  - Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình chính thức khởi công xây dựng vào ngày 6/11/1979 tại tỉnh Hòa Bình và sau 15 năm lao động vất vả nhà máy được hoàn thành.  - Chính phủ Liên Xô là người cộng tác, giúp đỡ chúng ta. Xây dựng nhà máy này.  - Học sinh lên chỉ.  - HS thảo luận nhóm, chia sẻ trước lớp  - Trên công trường xây dựng nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình công nhân Việt Nam và các chuyên gia Liên Xô họ làm việc cần mẫn, kể cả vào ban đêm. Hơn 3 vạn người và hàng vạn xe cơ giới làm việc hối hả. Dù khó khăn thiếu thốn và có cả hi sinh nhưng …  Ngày 4/4/1994, Tổ máy số 8, tổ máy cuối cùng đã hoà vào lưới điện quốc gia.  - HĐ nhóm, báo cáo trước lớp  - Việc làm hồ, đắp đập, ngăn nước sông Đà để xây dựng nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình có tác động góp phần tích cực vào việc chống lũ lụt cho đồng bằng Bắc Bộ.  - Cung cấp điện từ Bắc vào Nam. Từ núi rừng đến Đồng bằng, nông thôn đến thành phố. Phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân ta.  - HS nêu: Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình là công trình tiêu biểu đầu tiên, thể hiện thành quả của công cuộc xây dựng CNXH. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức:**

**BẢO VỆ CÁI ĐÚNG, CÁI TỐT (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết một số cách đơn giản để bảo vệ cái đúng, cái tốt.

- Mạnh dạn bảo vệ cái đúng, cái tốt.

- Thực hiện việc bảo vệ cái đúng, cái tốt phù hợp với khả năng của mình.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Bảo vệ cái đúng, cái tốt trước cái sai, cái xấu.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác (HĐ1,2, củng cố, dặn dò).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: power point bài học

- HS: Vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - GV cho học sinh chơi trò chơi “ Bắn tên” và trả lời các câu hỏi:  + Vì sao phải bảo vệ cái đúng, cái tốt?  + Kể những việc làm bảo vệ cái đúng, cái tốt mà em được chứng kiến  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Xử lí tình huống  - GV nêu các tình huống:  a. Trong giờ kiểm tra, bạn nhìn bài em.  b. Bạn em nhỏ yếu hay bị các bạn trong lớp bắt nạt.  c. Bạn của em vi phạm nội quy trường lớp.  d. Bạn đưa một cụ già qua đường và được nhận thư khen.  - HS thảo luận nhóm đôi, tìm cách xử lí phù hợp cho mỗi tình huống trên.  - GV nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 2:** Hành vi thể hiện việc làm đúng  - Yêu cầu HS đọc bài tập.  + Theo em, hành vi nào sau đây thể hiện việc làm bảo vệ cái đúng:  A. Chấp hành tốt nội quy trường lớp  B. Chỉ làm những việc mình thích  C. Phê phán những việc làm sai trái  D. Gió chiều nào che chiều ấy, cố gắng không làm mất lòng ai  E. Tránh tham gia những việc không liên quan đến mình  - Yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời.  - GV nhận xét.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Kể những việc làm bảo vệ cái đúng cái tốt mà em chứng kiến.  - Nhận xét tiết học | - HS lắng nghe  - HS thảo luận đưa ra cách xử lí.  - HS đọc  - HS trả lời  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 30:**

**Kể chuyện : Tiết 30 KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE , ĐÃ ĐỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Nắm được cách lập dàn ý câu chuyện.

- Lập dàn ý, hiểu và kể được một câu chuyện đã nghe, đã đọc (giới thiệu được nhân vật, nêu được diễn biến câu chuyện hoặc các đặc điểm chính của nhân vật, nêu được cảm nghĩ của mình về nhân vật, kể rõ ràng, rành mạch) về một người phụ nữ anh hùng hoặc một phụ nữ có tài.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK,Tranh minh hoạ trong SGK, bảng phụ, một số sách, truyện, bài báo viết về các nữ anh hùng, các phụ nữ có tài.

- HS : SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - GV cho HS thi tiếp nối nhau kể lại câu chuyện: *Lớp trưởng lớp tôi,* trả lời câu hỏi về ý nghĩa câu chuyện và bài học em tự rút rút ra.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 10 phút )**  **Hoạt động 1**: Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đề bài và các gợi ý  - Gọi HS đọc đề  - GV gạch dưới những từ ngữ cần chú ý  - Yêu cầu HS đọc phần gợi ý  **Hoạt động 2:**  **HDHS giới thiệu câu chuyện .**  -Cho HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể.  - GV giới thiệu một số sách truyện, bài báo viết về truyền thống hiếu học hoặc truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam  **3. Thực hành: HS kể chuyện và trao đổi ý nghĩa câu chuyện (22 ph)**  - Tổ chức kể theo nhóm đôi  - Cho HS thi kể trước lớp  - Trao đổi tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện .  - Nhận xét khen những HS kể hay nêu được ý nghĩa câu chuyện  \* GDHS truyền thống uống nước nhớ nguồn .  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Chia sẻ với mọi người về một nữ anh hùng hoặc một phụ nữ có tài.  - Về nhà kể lại câu chuyện vừa kể ở lớp cho người thân nghe.  - GV nhận xét tiết học | - HS thi kể chuyện  - Đọc đề bài  Kể một câu chuyện em đã nghe hoặc đã đọcvề một nữ anh hùng, hoặc một phụ nữ có tài.  - Đọc nối tiếp các gợi ý  - HS nối tiếp nhau nói trước lớp tên câu chuyện mình sẽ kể .  VD: Tôi sẽ kể cho các bạn câu chuyện Con gái người chăn cừu. Đây là một truyện cổ tích nước Anh kể về một cô gái rất thông minh đã giúp chồng là một hoàng tử thoát chết .  - HS lắng nghe để tham khảo  - Kể theo cặp và trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.  - Đại diện các nhóm lên thi kể, nêu ý nghĩa câu chuyện.  -Lớp nhận xét, bình chọn HS có câu chuyện hay, kể hay, hấp dẫn  - HS lắng nghe  - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày dạy : 09 / 4 / 2024 ( Thứ ba )***

Toán ( tiết 147 ):

**ÔN TẬP VỀ ĐO THỂ TÍCH**

I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1/ Kiến thức kĩ năng:

- Quan hệ giữa mét khối, đề-xi-mét khối, xăng-ti-mét khối.

- Viết số đo thể tích dưới dạng số thập phân.

- Chuyển đổi số đo thể tích.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 ( cột 1 ), bài 3 ( cột 1 ).* *HS năng khiếu làm phần còn lại*

- Rèn kĩ năng đổi các đơn vị đo thể tích đã học.

**2/ Phẩm chất năng lực:**

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học. Tính nhanh nhẹn – trình bày khoa học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán. ( Bài 1,2,3 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
* Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(5phút )**  - Cho HS hát  - Cho HS thi đua: Nêu sự khác nhau giữa đơn vị đo diện tích và thể tích? Mối quan hệ giữa chúng.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng*.*  **2. Luyện tập thực hành: ( 32 phút )**  *Bài 1/155:( 15 phút )*  a) Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV hướng dẫn HS làm bài theo nhóm  - Nhận xét, chốt ý.  - Cho HS đọc lại bảng đơn vị đo hoàn chỉnh.  b. Hỏi: +Đơn vị lớn gấp bao nhiêu lần đơn vị bé hơn tiếp liền?  + Đơn vị bé bằng một phần mấy đơn vị lớn hơn tiếp liền?  *Bài 2( cột 1 )/155:* ( 10 phút ) Viết số đo thích hợp vào chỗ chấm:  - Gọi HS đọc y/c  - GV cho HS làm bài cá nhân  - Nhận xét.  *Bài 3a/155:* ( 7 phút ) Viết các số đo sau dưới dạng số thập phân.  - Gọi HS đọc y/c  - GV cho HS làm bài cá nhân  - Nhận xét.  **3. Vận dụng : ( 3 phút )**  13m3 6dm3 = ................m3  678900 cm3 = .................dm3  2/5 m3 = .........................cm3  + Nêu các đơn vị đo thể tích đã học.  + Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo thể tích.  - Về nhà chia sẻ mối quan hệ giữa các đơn vị đo thể tích với mọi người để vận dụng trong cuộc sống.  - Nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS hát  - 2 nhóm HS thi đua nêu  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Cá nhân )**  a) 1 HS đọc y/c  - HS làm bài ( bảng con, bảng lớp ) Cả lớp nhận xét, bổ sung.  - HS đọc lại bảng đơn vị đo hoàn chỉnh.  b) + Đơn vị lớn gấp 1000 lần đơn vị bé hơn tiếp liền.  + Đơn vị bé bằng một phần nghìn (0,001) đơn vị lớn hơn tiếp liền  **\* ( Cá nhân )**  - Đọc y/c.  - HS làm bài ( bảng lớp, vở )  *1m3=1000; 0,5m3=500dm3 ;…*  ***Cột 2: Dành cho HS năng khiếu***  **\* ( Nhóm 2 )**  - Đọc y/c.  - Thảo luận, làm bài (bảng lớp, vở)  a)*6m3 272dm3 = 6,272m3*  b)*8dm3 439cm3 = 8,439dm3*  ***Cột 2; 3: dành cho HS năng khiếu***  - HS làm bài .  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 30:**

**LT&C : Tiết 59 MỞ RỘNG VỐN TỪ : NAM VÀ NỮ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Nắm được một số phẩm chất quan trọng nhất của nam, của nữ .

**-** Biết một số phẩm chất quan trọng nhất của nam, của nữ (BT1, BT2).

***- Điều chỉnh: Bổ sungBT2***: Ghi lại thành câu và sử dụng đúng các dấu câu đã học ( CV 3799 )

*- Không làm bài tập 3.*

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Yêu quý bạn bè.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ ( BT 1; BT2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ, bảng nhóm…

- HS : SGK, từ điển, …

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS thi đặt câu nói về phẩm chất của bạn nam hoặc bạn nữ .  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành: *(32 phút )***  Bài tập 1: HĐ nhóm đôi  - Cho HS đọc đề .  - Cho HS thảo luận nhóm đôi  + Với câu a) GV để HS tự nêu ý kiến  + Với câu b) và c) HS có thể chọn trong những phẩm chất quan trọng nhất của nam hoặc của nữ một phẩm chất mình thích nhất. Sau đó giải thích nghĩa của từ chỉ phẩm chất mà em vừa chọn ( có thể sử dụng từ điển để giải nghĩa)  Bài tập 2: HĐ cá nhân  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài  - Cả lớp đọc thầm lại truyện “ Một vụ đắm tàu”, suy nghĩ trả lời câu hỏi.  - Cho HS làm bài vào vở  *Ghi lại những phẩm chất trên thành câu và sử dụng đúng các dấu câu đã học*  - Gọi HS trình bày  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Nêu lại một số phẩm chất tiêu biểu của nam và của nữ  - GV nhận xét tiết học. | - HS thi đặt câu  - Đọc đề- Xác định yêu cầu  - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ  a) HS trả lời  b) và c) HS chọn một phẩm chất quan trọng nhất của nam hoặc của nữ mình thích nhất , giải thích nghĩa của từ đó  - HS đọc đề , cả lớp theo dõi  - Phẩm chất chung: Giàu tình cảm, quan tâm đến người khác.  + Ma-ri-ô: Ma - ri - ô nhường bạn xuống xuồng cứu nạn để bạn được sống  + Giu-li-ét-ta: lo lắng cho Ma - ri - ô, ân cần băng bó vết thương cho bạn khi bạn ngã, đau đớn khóc thương trong giờ phút vĩnh biệt.  - Phẩm chất riêng:  + Ma-ri-ô: Giàu nam tính, kín đáo, quyết đoán mạnh mẽ, cao thượng.  + Giu-li-ét-ta: dịu dàng ân cần, đầy nữ tính khi giúp Ma-ri-ô bị thương: hoảng hốt chạy lại, quỳ xuống, lau máu trên trán bạn, dịu dàng gỡ chiếc khăn đỏ trên mái tóc băng cho bạn.  - HS tự viết bài  - HS trình bày  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**ÔN TẬP THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Ôn tập về:

- Một số hoa thụ phấn nhờ gió, một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng.

- Một số loài động vật đẻ trứng, một số loài động vật đẻ con.

- Một số hình thức sinh sản của thực vật và động vật thông qua một số đại diện.

- Biết được sự sinh sản của động vật và thực vật.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có ý thức bảo vệ môi trường yêu thiên nhiên.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ khám phá).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ, Phiếu học tập

- HS : SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động : (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Gọi thuyền" :  + Nêu tên một số loài thú ở trong rừng  + Kể tên loài thú ăn thịt và lòa thú ăn cỏ.  + Nêu những nét chung về sự sinh sản và nuôi dạy con của hổ và hươu.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá : (30 phút)** | |
| *Thực hành làm bài tập*  - GV yêu cầu học sinh đọc các bài tập.  - Thảo luận cặp đôi, làm các bài tập.  **Câu 1:** Tìm xem mỗi tấm phiếu có nội dung dưới đây phù hợp với chỗ …… nào trong câu.  a. Sinh dục b. Nhị  c. Sinh sản d. Nhụy  **Câu 2:** Tìm xem mỗi chú thích phù hợp với số thứ tự nào trong hình  **Câu 3:** Trong các cây dưới đây, cây nào có hoa thụ phấn nhờ gió, cây nào có hoa thụ phấn nhờ côn trùng  **Câu 4:** Tìm xem mỗi tấm phiếu có nội dung dưới đây phù hợp với chỗ …….. nào trong câu.  a. Trứng b. Thụ tinh c. Cơ thể mới  d. Tinh trùng e. Đực và cái  **Câu 5:** Trong các động vật dưới đây, động vật nào đẻ trứng, động vật nào đẻ con?  - GV nhận xét, kết luận.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Qua bài học, em biết được điều gì ?  - Nhận xét tiết học | - HS đọc.  - Thảo luận cặp đôi, trình bày.  + Hoa là cơ quan *sinh sản* của những loài thực vật có hoa. Cơ quan *sinh dục*đực gọi là nhị. Cơ quan *sinh dục* cái gọi là *nhuỵ.*  + 1: nhuỵ  + 2: nhị  + Cây hoa hồng (a) và cây hoa hư­ớng dương (c) là hoa thụ phấn nhờ côn trùng. Cây ngô (3) thụ phấn nhờ gió.  + Đa số loài vật chia thành 2 giống: *đực và cái.* Con đực có cơ quan sinh dục đực sinh ra *tinh trùng*(d). Con cái có cơ quan dục cái tạo ra *trứng* (a)  + Hiện t­ượng tinh trùng kết hợp với trứng gọi là **s**ự*thụ tinh.* Hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành *cơ thể mới*, mang những đặc tính của cả bố và mẹ.  + Những động vật đẻ con: s­ư tử, hư­ơu cao cổ.  + Những động vật đẻ trứng: chim cánh cụt, cá vàng.  - HS nêu:  + Một số hoa thụ phấn nhờ gió, một số hoa thụ phấn nhờ côn trùng.  + Một số loài động vật đẻ trứng, một số loài động vật đẻ con. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ 4 ngày 10/ 4/ 2024**

**TUẦN 30:**

**Tập đọc : Tiết 60 TÀ ÁO DÀI VIỆT NAM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Hiểu nội dung, ý nghĩa: Chiếc áo dài Việt Nam thể hiện vẻ đẹp dịu dàng của người phụ nữ và truyền thống của dân tộc Việt Nam

- Trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3. HS năng khiếu trả lời câu hỏi 4

**-** Đọc đúng từ ngữ, câu văn, đoạn văn dài; biết đọc diễn cảm bài văn với giọng tự hào.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục niềm tự hào dân tộc.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ (HĐ1, HĐ2, LĐ diễn cảm  )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

+ Bảng phụ viết sẵn 1 đoạn cần hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" đọc từng đoạn trong bài *Con gái* và trả lời câu hỏi.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (28 phút)**  **Hoạt động 1:** Đọc văn bản(14 ph)  - Chia đoạn : 4 đoạn  - HD từ ngữ khó, câu khó  - Giải nghĩa từ:  - Đọc diễn cảm bài văn  **H/ động 2:** Tìm hiểu nội dung(14 ph)  Câu 1: Chiếc áo dài có vai trò thế nào trong trang phục của phụ nữ xưa?  Câu 2: Chiếc áo dài tân thời có gì khác so với chiếc áo dài cổ truyền?  Câu 3: Vì sao áo dài được coi là biểu tượng cho y phục truyền thống của VN?  Câu 4: **( HS năng khiếu )** Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của người phụ nữ trong tà áo dài?  \* Nêu ý nghĩa  **3. Luyện tập:LĐ diễn cảm (5 phút )**  - HD đọc diễn cảm đoạn: Đoạn 1.  - Tổ chức thi đọc diễn cảm.  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Nêu nội dung của bài ?  - Qua bài học trên, em biết được điều gì ?  - Nhận xét tiết học | - HS chơi trò chơi  - Đọc nối tiếp  - Luyện đọc từ ngữ khó: sống lưng, phong cách, xanh hồ thủy, y phục, …  - Câu khó: “Áo dài …thoát hơn”  - Giải nghĩa từ: áo cánh, phong cách, tế nhị, xanh hồ thủy, tân thời, y phục.  - Đọc nối tiếp- Luyện đọc N2  - Phụ nữ Việt Nam xưa hay mặc áo dài thẫm màu, phủ ra bên ngoài những lớp áo cánh nhiều màu…kín đáo.  - Áo dài cổ truyền có 2 loại: áo tứ thân và áo năm thân…đôi vạt vải.  + Áo dài tân thời là chiếc áo dài cổ truyền được cải tiến…hiện đại phương Tây  - Vì chiếc áo dài thể hiện phong cách tế nhị, kín đáo của phụ nữ Việt Nam.  - VD: Em cảm thấy khi mặc áo dài, phụ nữ trở nên duyên dáng, dịu dàng hơn.  \*Chiếc áo dài Việt Nam thể hiện vẻ đẹp dịu dàng của người phụ nữ và truyền thống của dân tộc Việt Nam .  - Luyện đọc diễn cảm  - Tham gia thi đọc diễn cảm  - HS nêu  - HS nêu  VD: Em biết được tà áo dài Việt Nam đã có từ lâu đời/ Tà áo dài Việt Nam là trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Toán ( tiết 148 ):

**ÔN TẬP VỀ ĐO DIỆN TÍCH VÀ ĐO THỂ TÍCH ( tt )**

I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1/ Kiến thức kĩ năng:

- Biết so sánh các số đo diện tích; so sánh số đo thể tích.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3 ( a ). HS năng khiếu làm phần còn lại .*

- Rèn kĩ năng giải bài toán có liên quan đến tính diện tích, thể tích các hình đã học.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Cẩn thận, tỉ mỉ, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học. ( Bài 1,2,3 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(5phút)**  - Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" nêu tên các đơn vị đo thể tích, diện tích đã học.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành: ( 32 phút )**  *Bài 1/155:* ( 10 phút )  - Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm.  - Gọi HS đọc y/c  - GV cho HS làm bài cá nhân  - Nhận xét.  *Bài 2/156:( 12 phút )*  - Cho 1 em đọc đề.  - Hướng dẫn HS tóm tắt đề:  - Y/c HS thảo luận nhóm đôi tìm cách giải  + Muốn tìm cả thửa thu hoạch bao nhiêu thóc, trước hết tính gì?  + Muốn tìm diện tích thì phải có các yếu tố nào?  - GV cho HS làm bài vào vở. GV theo dõi và giúp các em chậm tiến làm bài. GV chấm bài và nhận xét.  *Bài 3a/156:( 10 phút )*  ( GV hướng dẫn tương tự như bài 2 )  **3. Vận dụng : ( 3 phút )**  - Cho HS vận dụng làm bài tập sau:  Điền số thích hợp vào chỗ chấm:  6m2 7dm2 =... dm2 470dm2 =...m2  4m3 3dm3 =... dm3 234cm3=...dm3  - ? Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta làm thế nào?  - ? Muốn tính thể tích hình hộp chữ nhật ta làm thế nào?  - Về nhà chia sẻ cách tính diện tích hình chữ nhật và thể tích hình hộp chữ nhật với mọi người để vận dụng trong cuộc sống.  - Nhận xét tiết học – Dặn dò. | - Hs chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc đề.  - HS làm ở bảng, cả lớp làm vở.  *a) 8m25dm2 = 8,05m2; 8m25dm2< 8,5m2 ; 8m25dm2> 8,005m2; b) ......*  **\* ( Nhóm 2 ) :**  HS đọc đề.  HS tóm tắt đề theo sự hướng dẫn của GV.  - Thảo luận.  + Diện tích.  + Chiều dài và chiều rộng.  - 1HS làm bảng, lớp làm vở. HS nhận xét  **\* ( Nhóm 2 )**  ***ĐS:*** *24000lít*  **b) Dành cho HS năng khiếu .**  - Cho HS làm bài.  - HS nêu.  - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 30:**

**Tập làm văn : Tiết 59 ÔN TẬP VỀ TẢ CON VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Hiểu cấu tạo, cách quan sát và một số chi tiết, hình ảnh tiêu biểu trong bài văn tả con vật (BT1).

**-** Viết được đoạn văn ngắn tả con vật quen thuộc và yêu thích. ( BT 2)

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích con vật

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ (BT; BT2)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ

- HS: SGK, VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS hát  - Cho HS thi kể tên các bài văn tả con vật đã học ở lớp dưới  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành ( 32 phút)**  Bài tập 1: Nhóm đôi  - Gọi HS đọc bài văn và câu hỏi a,b, c.  - Cho HS nêu cấu tạo của bài văn tả con vật.  - Cho HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi .  a/ Bài văn trên gồm mấy đoạn? Nội dung chính của mỗi đoạn là gì?  b/ Tác giả quan sát chim họa mi hót bằng những giác quan nào ?  c/ Em thích chi tiết và hình ảnh so sánh nào ? Vì sao ?  Bài tập 2 : HĐ cá nhân  - Gọi HS đọc BT2  - Yêu cầu HS giới thiệu về con vật mình định tả.  - Muốn viết được đoạn văn hay cần lưu ý điều gì?  - Giáo viên giới thiệu tranh, ảnh hoặc vật thật.  - GV yêu cầu HS làm bài.  - Cho HS trình bày  - Nhận xét khen những em viết hay.  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Chia sẻ với mọi người cấu tạo của bài văn tả cây cối.  - Yêu cầu HS về nhà viết lại chi tiết hoặc hình ảnh so sánh trong bài Chim hoạ mi hót mà em thích, giải thích vì sao ?  - Nhận xét tiết học | - HS hát  - HS thi kể  - HS đọc bài Chim hoạ mi hót và câu hỏi  - HS nêu cấu tạo 3 phần của bài văn tả con vật  - HS thảo luận, chia sẻ  - 3 đoạn  + Đoạn 1: Câu đầu – Giới thiệu sự xuất hiện của chim họa mi vào các buổi chiều.  + Đoạn 2: Hình như…cỏ cây – Tả tiếng hót đặc biệt của họa mi vào buổi chiều  + Đoạn 3: Hót ….đêm dày - Tả cách ngủ rất đặc biệt của họa mi trong đêm  + Đoạn 4: Rồi….vút đi – Tả cách hót chào nắng sớm rất đặc biệt của họa mi .  - Thị giác và thính giác  - Trả lời và giải thích rõ vì sao mình thích.  VD: Em thích hình ảnh so sánh: tiếng hót có khi … trong tĩnh mịch – Vì hình ảnh đó gợi tả rất đúng, rất đặc biệt tiếng hót họa mi âm vang trong buổi chiều tĩnh mịch.  - 1 HS đọc: Viết đoạn văn khoảng 5 câu tả hình dáng hoặc hoạt động của một con vật mà em yêu thích  - HS nối tiếp nhau giới thiệu  - Phải có câu mở đoạn, kết đoạn, biết sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa để miêu tả.  - HS quan sát  - HS viết đoạn văn.  - HS trình bày  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí:**

CÁC ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ghi nhớ tên 4 đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.Thái Bình Dương là đại dương lớn nhất.

- Nhận biết và nêu được vị trí từng đại dương trên bản đồ (lược đồ), hoặc trên quả Địa cầu.

- Sử dụng bảng số liệu và bản đồ (lược đồ) để tìm một số đặc điểm nổi bật về diện tích, độ sâu của mỗi đại dương.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Thích tìm hiểu, khám phá khoa học

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HĐ 1,2,3).

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí (HĐ 1,2), năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí (HĐ 3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Bản đồ thế giới.

+ Quả địa cầu, tranh ảnh về thiên nhiên, dân c­­ư của châu Đại D­­ương và châu Nam Cực.

- HS : SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" với nội dung:  + Dân cư lục địa Ô- xtrây-li-a và các đảo có gì khác nhau ?  + Đặc điểm tiêu biểu về tự nhiên của châu Nam Cực ?  - GV nhận xét  ***-*** Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá : (30 phút)** | |
| Hoạt động 1 : Vị trí của các đại dương  - Trên thế giới có mấy đại dương? Đó là những đại dương nào ?  - GV yêu cầu HS tự quan sát H1 trang 130 SGK và hoàn thành bảng thống kê  - HS báo cáo kết quả thảo luận, mỗi đại dương mời 1 HS báo cáo  - GV nhận xét, kết luận.  Hoạt động 2: Một số đặc điểm của Đại Dương  + Nêu diện tích của từng đại dương ?  + Xếp các đại dương từ lớn đến nhỏ theo diện tích ?  + Cho biết Đại Dương có độ sâu trung bình lớn nhất.  + Độ sâu lớn nhất thuộc về Đại Dương nào ?  - GV kết luận  **Hoạt động 3 :** Thi kể về các đại dương  - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm chuẩn bị trưng bày tranh ảnh, bài báo, câu chuyện, thông tin để giới thiệu với các bạn  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - GV chốt lại nội dung bài học  - Qua bài học hôm nay, các em biết được điều gì ?  - Biển Đông của nước ta thuộc đại dương nào ?  - Nhận xét tiết học | - Có 4 đại dương : Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương  - HS quan sát H 1, 2 thảo luận nhóm hoàn thành bài tập sau :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên đại dương | Giáp với châu lục | Giáp với đại dương | | Thái Bình Dương |  |  | | Ấn Độ dương, |  |  | | Đại Tây Dương |  |  |   - 4 HS lần lượt báo cáo kết quả tìm hiểu về 4 đại dương  - Các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến.  - HS thảo luận nhóm rồi báo cáo kết quả trước lớp  + Ấn Độ Dương rộng 75 triệu km2, ......  + Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương.  + Đại Dương có độ sâu trung bình lớn nhất: Thái Bình Dương.  + Độ sâu lớn nhất thuộc về: Thái Bình Dương.  - HS làm việc theo nhóm, dán các tranh ảnh, bài báo, câu chuyện mình sưu tầm được.  - HS nghe  - HS nêu  - Thái Bình Dương |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

# ***Ngày dạy : 11 / 4 / 2024 ( Thứ năm )***

TOÁN(Tiết 149) :

ÔN TẬP VỀ SỐ ĐO THỜI GIAN

I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT :

**1/ Kiến thức kĩ năng:**

- Viết số đo thời gian dưới dạng số thập phân. Chuyển đổi số đo thời gian.

- Xem đồng hồ. *Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 ( cột 1 ), bài 3.HSNK làm bài 2 ( cột 2 ),bài 4.*

- Nắm được quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian.

**2/ Phẩm chất năng lực :**

**-** Yêu thích môn toán, cẩn thận, chính xác.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học. ( Bài 1,2,3 )

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: SGK, bảng phụ,đồng hồ.

- HS : SGK, vở , bảng con

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(5phút)**  *- Cho HS chơi trò chơi "Gọi thuyền" nội dung về bảng đơn vị đo thời gian:*  *+ VD: 1năm= ....tháng 48 giờ = ...ngày*  *1ngày = ...giờ 36 tháng = ...năm*  *1giờ = ....phút*  *1phút = ...giây*  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng.  **2. Luyện tập thực hành: ( 32 phút )**  ***Bài 1/156:( 10 phút )***  - Gọi HS đọc y/c  - GV cho HS trả lời.  - Nhận xét.  ***Bài 2( cột 1 )/156:* ( 15 phút )**  - Gọi HS đọc y/c  - GV cho HS làm bài cá nhân.  - Nhận xét.  ***Bài 3/157:* ( 7 phút)**  - Gọi HS đọc y/c  - Yêu cầu HS xem đồng hồ, trả lời.  - Nhận xét  ***Bài 4/157: Dành cho HS năng khiếu***  **3. Vận dụng : ( 3 phút )**  - Cho HS vận dụng làm bài sau:  Điền số thích hợp vào chỗ chấm:  4 năm 4 tháng = ... tháng  3 giờ 25 phút = ... phút  2 ngày 15 giờ = ... giờ  84 phút = .... giờ ... phút  - Chia sẻ với mọi người về các kiến thức trên và vận dụng chúng vào cuộc sống .  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài: *Phép cộng.* | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc y/c : Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - HS trả lời miệng.  *a)1 thế kỉ = 100năm*  *1năm =12tháng*  *1năm không nhuận có:365 ngày*  *1năm nhuận có 366 ngày…*  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc y/c: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - HS làm bài ( vở, bảng lớp ).  a*) 2 năm 6 tháng=30 tháng*  *3 phút 40 giây=220 giây*  *b) 28 tháng=2 năm 4tháng*  *150 giây= 2 phút 30 giây*  *Làm tương câu c,d.*  ***\* Cột 2: Dành cho HS năng khiếu***  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc y/c: Đồng hồ chỉ mấy giờ và mấy phút  - HS xem đồng hồ, trả lời  -HS làm bài.  -HS thực hiện. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 30:**

**LT&C : Tiết 60 ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU**

**( Dấu phẩy )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Nắm được tác dụng của dấu phẩy, nêu được ví dụ về tác dụng của dấu phẩy (BT1).

**- Điều chỉnh:** Thay bài 2 thành bài tập với yêu cầu: Viết đoạn văn (2,3 câu) có sử dụng các dấu câu đã học để nêu tình cảm của em về một con vật mà em yêu thích ( CV 3799 ).

- Dùng đúng các dấu câu đã học để viết đoạn văn *(BT2) ( CV 3799 )*

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Cẩn thận, tỉ mỉ, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ ( BT 1; BT2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng nhóm, SGK

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện": Nêu các dấu câu đã học và tác dụng của mỗi dấu (Mỗi HS chỉ nêu một dấu)  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành:*(32 phút)*** Bài tập 1: Nhóm đôi  - 1HS đọc yêu cầu của bài tập  - GV nhắc HS nắm yêu cầu của bài: Các em phải đọc kỹ 3 câu văn, chú ý các dấu phẩy trong các câu văn đó. Sau đó, xếp đúng các ví dụ vào ô thích hợp trong bảng tổng kết nói về tác dụng của dấu phẩy.  - Yêu cầu HS làm bài  - Cả lớp và GV nhận xét, kết luận: Dấu phẩy có 3 tác dụng  Bài tập 2: ( Cá nhân )  - Viết đoạn văn (2,3 câu) có sử dụng các dấu câu đã học để nêu tình cảm của em về một con vật mà em yêu thích  - GV cho HS đọc nối tiếp bài viết  - GV nhận xét, sửa chữa  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Nêu tác dụng của dấu phẩy.  - Dặn HS ghi nhớ tác dụng của dấu phẩy để sử dụng cho đúng.  - GV nhận xét tiết học. | - HS chơi trò chơi  - Đọc đề- Xác định yêu cầu  Xếp các ví dụ dưới đây vào ô thích hợp trong bảng tổng kết về dấu phẩy .  - HS trao đổi theo nhóm 2, làm vào vở.  - Trình bày kết quả, chia sẻ trước lớp   |  |  | | --- | --- | | BẢNG TỔNG KẾT | | | *Tác dụng của dấu phẩy* | *Ví dụ* | | Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu | Câu b | | Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ | Câu a | | Ngăn cách các vế câu trong câu ghép | Câu c |   - HS đọc bài tập  - HS viết đoạn văn theo yêu cầu  - HS đọc nối tiếp bài viết  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kĩ thuật:**

**LẮP RÔ BỐT (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Chọn đúng và đủ số lượng các chi tiết để lắp rô bốt.

- Biết cách lắp và lắp được rô bốt đúng theo mẫu. Rô bốt tương đối chắc chắn.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục các em ý thức học tốt bộ môn.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HĐ 1,2), năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: nội dung bài, trực quan.

- Học sinh: SGK, bộ lắp ghép.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" : Nêu các bước lắp ghép xe ben ?  - GV nhận xét và bổ sung.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - Hs ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành :(30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Chi tiết và dụng cụ  - GV gọi học sinh đọc mục 1  - Yêu cầu học sinh kiểm tra các chi tiết trong bộ lắp ghép của mình  **Hoạt động 2:** Quy trình lắp ghép  - GV gọi học sinh nêu cách lắp ghép  **Hoạt động 3:** Thực hành lắp ghép  - GV yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa thảo luận theo nhóm và tiến hành lắp ghép theo nhóm bàn  - GV quan sát giúp đỡ một số nhóm còn lúng túng.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Về nhà tập lắp ghép lại mô hình rô bốt. (nếu có bộ lắp ghép ở nhà)  - Nhận xét tiết học | - 1 học sinh đọc  - Học sinh báo cáo kết quả kiểm tra  - HS nêu các bước lắp ghép  - Lắp từng bộ phận:  + Lắp chân rô bốt  + Lắp thân rô bốt  + Lắp đầu rô bốt  + Lắp tay, ăng ten, trục bánh xe.  - Lắp ráp rô bốt  - Học sinh làm việc theo nhóm bàn  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày dạy : 12 / 4 / 2024 ( Thứ sáu )***

Toán ( tiết 150 ): **PHÉP CỘNG**

I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1/ Kiến thức kĩ năng:

- Biết cộng các số tự nhiên, các số thập phân, phân số và ứng dụng trong giải toán.

- *Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 ( cột 1 ), bài 3, bài 4.HSNK làm bài 2 cột 2.*

- Rèn kĩ năng thực hiện phép cộng .

2/ Phẩm chất năng lực :

- Yêu thích học môn toán, cẩn thận, chính xác

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. ( Bài 1,2,3,4 )

**II- ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt dộng của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(5phút)**  - Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" Nêu mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành : ( 33 phút )**  **\**Ôn về những tính chất của phép cộng, tên gọi các thành phần và kết quả phép cộng. ( 7 phút )***  \* GV nêu câu hỏi để HS trả lời, trao đổi ý kiến về những hiểu biết đối với phép cộng nói chung: tên gọi các thành phần và kết quả, dấu phép tính, một số tính chất của phép cộng:  ***Bài 1/158: ( 6 phút )***  - Gọi HS đọc y/c  - Cho HS làm bài cá nhân.  - Nhận xét  ***Bài 2(cột 1)/158: ( 8 phút )***  - Gọi HS đọc y/c  - Cho HS thảo luận nhóm 2, làm bài.  - Nhận xét  ***Bài 3/159:* ( 5 phút )**  - Gọi HS đọc y/c  - Cho thi HS trả lời nhanh  - Nhận xét  ***Bài 4/159: ( 7 phút )***GV yêu cầu HS đọc đề, nêu yêu cầu, nêu cách giải  - Nhận xét  **3. Vận dụng : ( 2 phút )**  - Cho HS vận dụng tính bằng cách thuận tiện biểu thức sau:  2,7 + 3,59 + 4,3 + 5,41=....  **-** Nêu tính chất của phép cộng.  - Chia sẻ với mọi người về các kiến thức trên và vận dụng chúng vào cuộc sống .  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  Tổng    a + b = c  SH SH  - Tính chất:  + Tính chất giao hoán: a + b= b + a  + Tính chất kết hợp: (a+b) + c = a + (b+c)  + Cộng với 0 : a + 0 = 0+ a = a  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc y/c: Tính:  - 4HS làm bảng, lớp làm vở  *a)889972+96308=986280*  *b)5/6+7/12=10/12+7/12=17/12; ….*  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS đọc y/c: Tính bằng cách thuận tiện nhất.  - HS thảo luận. 3HS làm bảng, lớp làm vở.  a)(689+875)+125  =(875+125)+689 =1000+689  =1689…  ***\* Cột 2: Dành cho HS năng khiếu***  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc y/c : ) Không thực hiện phép tính, nêu dự đoán kết quả tìm x:  *a) x = 0 vì 0 cộng với bất kì số nào cũng bằng chính nó.*  *b) x = 0 vì 4/10 = 2/5 nên ta có thể giải thích như trên.*  **\* ( Nhóm 2 )**  - Đọc đề  - HS thảo luận nhóm, làm bài.  - HS nêu.  - HS vận dụng kiến thức làm bài.  -HS nêu. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 30:**

**Tập làm văn : Tiết 60 TẢ CON VẬT**

**( Kiểm tra viết )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

**-** Nắm được cấu tạo của bài văn tả con vật.

**-** Viết được một bài văn tả con vật có bố cục rõ ràng, đủ ý, dùng từ, đặt câu đúng.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục ý thúc yêu quý loài vật.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ, tranh vẽ hoặc ảnh chụp một số con vật.

- HS : SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" đọc một đoạn văn ngắn tả hình dáng hoặc hoạt động của một con vật mà em yêu thích  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 ph )**  **a/ HD tìm hiểu đề**  - Yêu cầu HS đọc đề  \* Lưu ý: Các em có thể viết về con vật tiết trước các em đã viết đoạn văn tả hình dáng hoặc tả hoạt động của con vật đó. Cũng có thể viết về con vật khác  - Cho HS giới thiệu tên con vật định tả  **b/ Thực hành**  - Cho HS làm bài  - Nhắc HS cách trình bày, chú ý chính tả, dùng từ đặt câu  - Thu bài  **\* Củng cố, dặn dò** **( 2 phút )**  - Nhận xét chung về ý thức làm bài của HS.  - Về nhà chọn một loài cây khác để tả cho hay hơn. | - HS chơi trò chơi  - Đọc đề - nêu yêu cầu  Hãy tả một con vật mà em yêu thích  - 1 HS đọc gợi ý SGK  - 1 số HS lần lượt giới thiệu con vật mình tả  - Lớp làm bài vào vở  - Nộp bài  - HS nghe  - HS nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

# MÔI TRƯỜNG

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết khái niệm ban đầu về môi trường.

- Nêu một số thành phần của môi trường địa phương.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường, ham tìm hiểu khoa học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2), năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ 1),vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người (HĐ 2).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, bảng phụ, Thông tin và hình trang 128, 129 SGK.

- HS : SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động : (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá : (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Quan sát và thảo luận  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhóm trưởng điều khiển nhóm mình đọc các thông tin, quan sát hình và làm bài tập theo yêu cầu ở mục Thực hành trang 128 SGK.  - Đại diện các nhóm trình bày.  + Môi trường rừng gồm những thành phần nào?  + Môi trường nước gồm những thành phần nào?  + Môi trường làng quê gồm những thành phần nào?  + Môi trường đô thị gồm những thành phần nào?  + Vậy theo bạn, môi trường là gì ?  ***-* GV kết luận:**Môi trường là tất cả những gì có xung quanh chúng ta; những gì có trên Trái Đất hoặc những gì tác động lên Trái Đất này. Trong đó có những yếu tố cần thiết cho sự sống và những yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của sự sống. Có thể phân biệt: Môi trường tự nhiên (Mặt trời, khí quyển, đồi, núi, cao nguyên, các sinh vật,…) và môi trường nhân tạo (làng mạc, thành phố, nhà máy, công trường,…).  **Hoạt động 2 :** Thảo luận  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi theo câu hỏi :  + Bạn sống ở đâu, làng quê hay đô thị?  + Hãy nêu một số thành phần của môi trường nơi bạn sống?  - GV gọi một số em trình bày  - GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Môi trường bao gồm những thành phần nào?  - Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường?  - Nhận xét tiết học | - Các nhóm thảo luận theo câu hỏi SGK và trình bày.  + Môi trường rừng gồm những thành phần: thực vật động vật sống trên cạn và dưới nước. Không khí và ánh sáng.  + Môi trường nước thực vật động vật sống ở dưới nước như cua, cá, ốc, rong, rêu, tảo...nước không khí, ánh sáng.  + Môi trường làng quê gồm con người động vật, thực vật, làng xóm, ruộng đồng, công cụ làm ruộng, một số công cụ giao thông, nước, không khí, ánh sáng..  + Môi trường đô thị gồm con người....nhà cửa phố xá...  + Môi trường là tất cả những gì có xung quanh chúng ta; những gì có trên Trái Đất hoặc những gì tác động lên Trái Đất này. Trong đó có những yếu tố cần thiết cho sự sống và những yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của sự sống. Có thể phân biệt: Môi trường tự nhiên (Mặt trời, khí quyển, đồi, núi,… ) và môi trường nhân tạo (làng mạc, thành phố, nhà máy,…)  - HS thảo luận nhóm  - HS giới thiệu với bạn.  - HS nêu… |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................